

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 33 /GPMT-UBND

Đồng Nai, ngày 24 tháng 4 năm 2024

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Văn bản đề nghị cấp giấy phép môi trường số 126/BQLDABT-HT ngày 01 tháng 02 năm 2024; Văn bản số 248/BQLDABT-HT ngày 26 tháng 3 năm 2024 về việc hoàn thiện nội dung Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường dự án “Khu tái định cư tại phường Tam Phước, thành phố Biên Hòa”, tỉnh Đồng Nai và Văn bản số 305/BQLDABT-HT ngày 05 tháng 4 năm 2024 của Ban Quản lý dự án Bồi thường, giải phóng mặt bằng và hỗ trợ tái định cư tỉnh Đồng Nai về việc xem xét, điều chỉnh bổ sung 03 hạng mục xây dựng tại Tờ trình số 163/TTr-STNMT ngày 03 tháng 4 năm 2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường; Văn bản số 1287/SXD-QLXD ngày 05 tháng 4 năm 2024 của Sở Xây dựng về việc thông báo kết quả thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng Khu tái định cư phường Tam Phước, thành phố Biên Hòa và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 186/TTr-STNMT ngày 12 tháng 4 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Ban Quản lý dự án Bồi thường, giải phóng mặt bằng và hỗ trợ tái định cư tỉnh Đồng Nai, địa chỉ tại 98 đường Hà Huy Giáp, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án đầu tư “Khu tái định cư tại phường Tam Phước, thành phố Biên Hòa” tỉnh Đồng Nai, với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của cơ sở:

1.1. Tên dự án đầu tư: Khu tái định cư tại phường Tam Phước, thành phố Biên Hòa.

1.2. Địa điểm hoạt động: Phường Tam Phước, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

1.3. Giấy chứng nhận đầu tư:

- Quyết định số 2438/QĐ-UBND ngày 16 tháng 9 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc thí điểm thành lập Ban Quản lý dự án Bồi thường, giải phóng mặt bằng và hỗ trợ tái định cư tỉnh Đồng Nai.

- Nghị quyết số 12/NQ-HĐND ngày 14 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai về chủ trương đầu tư và điều chỉnh chủ trương đầu tư một số dự án đầu tư công trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

- Quyết định số 1914/QĐ-UBND ngày 10 tháng 8 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai triển khai Nghị quyết số 12/NQ-HĐND ngày 14 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh đối với chủ trương đầu tư dự án Khu tái định cư tại phường Tam Phước, thành phố Biên Hòa.

1.4. Mã số thuế: 3603891150.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư:

- Phạm vi: Diện tích khu đất thực hiện dự án 31,52 ha (thực hiện theo Nghị quyết số 12/NQ-HĐND ngày 14 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai về chủ trương đầu tư và điều chỉnh chủ trương đầu tư một số dự án đầu tư công trên địa bàn tỉnh Đồng Nai và Quyết định số 1914/QĐ-UBND ngày 10 tháng 8 năm 2023 của UBND tỉnh Đồng Nai triển khai Nghị quyết số 12/NQ-HĐND ngày 14 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh đối với chủ trương đầu tư dự án Khu tái định cư tại phường Tam Phước, thành phố Biên Hòa), trong đó:

+ Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật đồng bộ khu tái định cư diện tích 315.211,4 m² (khoảng 31,52 ha); trong đó bố trí quỹ đất dự trữ phát triển nhà ở trong tương lai với diện tích 1.1 ha và bố trí nhà liên kế gồm các khu nhà ở phục vụ tái định cư diện tích khoảng 11,225 ha, bố trí được khoảng 1280 lô đất ở liên kế, trong dự án còn bố trí quỹ đất đầu tư xây dựng các công trình an sinh xã hội khác nhằm phục vụ dân cư trong nội khu và dân cư của các khu vực xung quanh như: công trình giáo dục, thương mại - dịch vụ, công viên cây xanh;...

+ Xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật đồng bộ, bao gồm: Đường giao thông, kè, tường chắn đất; hệ thống cấp - thoát nước; hệ thống cấp điện - chiếu sáng, thông tin; hào kỹ thuật; công trình xử lý nước thải.

+ Xây dựng trường mầm non phục vụ cho con em các hộ dân được hỗ trợ tái định cư trong dự án, dự kiến quy mô khoảng 340 trẻ.

+ Xây dựng tuyến cống thoát nước mưa 02 x 1,6 m để đầu nối thoát nước ra khu vực cầu Tam Phước nằm ngoài ranh dự án (khoảng 0,265 ha dọc theo tuyến quy hoạch giao thông);

+ Xây dựng tuyến đường ống cấp nước và tuyến điện trung thế chạy dọc tuyến đường Lý Nhân Tông kết nối từ đường điện trung thế và cấp nước D400 chạy dọc tuyến Quốc lộ 51 vào cấp nước sinh hoạt và cấp điện cho dự án khu tái định cư 31,52 ha, chiều dài khoảng 1.800 m;

+ Cải tạo nâng cấp mặt đường và xây dựng hệ thống chiếu sáng của đường Lý Nhân Tông (đường hiện hữu) chiều dài khoảng 1.800 m, kết nối giao thông từ Quốc lộ 51 vào dự án, đảm bảo kết nối giao thông trước mắt cho dự án Khu tái định cư 31,52 ha.

- Quy mô: Dự án nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải vào môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với khí thải quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban Quản lý dự án Bồi thường, giải phóng mặt bằng và hỗ trợ tái định cư tỉnh Đồng Nai:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Ban Quản lý dự án Bồi thường, giải phóng mặt bằng và hỗ trợ tái định cư tỉnh Đồng Nai có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm (từ ngày 24 tháng 4 năm 2024 đến ngày 24 tháng 4 năm 2034).

Điều 4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Ban Quản lý dự án Bồi thường, giải phóng mặt bằng và hỗ trợ tái định cư tỉnh Đồng Nai;
- Q. Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- UBND huyện Long Thành;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Chánh, Phó Chánh Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTN.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Võ Văn Phi



Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 33/GPMT-UBND ngày 24 tháng 4 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt từ khu nhà ở: 1.028,78 m³/ngày.đêm;
- Nguồn số 02: Nước thải sinh hoạt từ trường học: 22,6 m³/ngày.đêm;
- Nguồn số 03: Nước thải sinh hoạt từ khu thương mại dịch vụ: 26,7 m³/ngày.đêm;
- Nguồn số 04: Khu văn hoá thể thao, công cộng: 34,8 m³/ngày.đêm;
- Nguồn số 05: Nước thải y tế (sau khi áp dụng công nghệ xử lý nước thải y tế trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom khu tái định cư): 1,9 m³/ngày.đêm

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: rạch Nước Lạnh.

2.2. Vị trí xả nước thải:

- Hố ga (HG-03) ngoài ranh dự án trước khi chảy vào tuyến cống thoát nước nằm ngoài ranh dự án.

- Tọa độ vị trí xả nước thải vào nguồn tiếp nhận: X = 1.197.402,05; Y = 408.268,70 kinh tuyến trục 107⁰45, múi chiếu 3⁰.

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 1.334 m³/ngày.đêm.

2.3.1. Phương thức xả nước thải: Tự động.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: Liên tục (24giờ).

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả thải vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải sinh hoạt QCVN 14:2008/BTNMT, cột A, K = 1,0, cụ thể như sau:

Stt	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Lưu lượng		-	-	Liên tục (24h)
2	pH	-	5 - 9	-	
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	50	-	
4	Amoni	mg/l	5	-	

5	BOD ₅ (20 ⁰ C)	mg/l	30	03 tháng/lần	
6	Sunfua	mg/l	1,0		
7	Nitrat	mg/l	30		
8	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	10		
9	Tổng chất rắn hòa tan	mg/l	500		
10	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	5		
11	Phosphat	mg/l	6		
12	Tổng Coliforms	MPN/100ml	3.000		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải:

- Hệ thống thu gom thoát nước thải được tách riêng với hệ thống thu gom thoát nước mưa.

- Nước thải từ các nhà vệ sinh của từng hộ dân, trường học,... được thu gom xử lý sơ bộ qua bể tự hoại 3 ngăn sau đó thu gom bằng đường ống uPVC D140 đầu nối vào hệ thống cống thu gom nước thải sinh hoạt được bố trí dọc hai bên tuyến đường của khu dân cư (sử dụng cống tròn bê tông cốt thép có đường kính D300 - D400) dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của toàn dự án công suất thiết kế 1.334 m³/ngày.đêm (gồm 02 nguyên đơn, xây dựng các bể bể hợp khối, chung vách, sẽ lắp trước thiết bị cho các hạng mục dùng chung và giai đoạn 1 với 50% công suất (667 m³/ngày.đêm). Khi dân cư lấp đầy trên 50% thì tiếp tục lắp đặt thiết bị cho đơn nguyên còn lại để nhà máy hoạt động 100% công suất), để xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT cột A, K = 1,0. Nước thải sau xử lý sẽ dẫn bằng tuyến cống hộp từ ranh dự án có chiều dài 610 m do chủ dự án xây dựng (theo Quyết định số Quyết định số 1914/QĐ-UBND ngày 10 tháng 8 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai triển khai Nghị quyết số 12/NQ-HĐND ngày 14 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh) chảy vào hệ thống thoát nước khu vực tại Cầu Tam Phước, chảy ra rạch Nước Lạnh, tiếp tục đổ vào sông Trong sau đó ra nguồn tiếp nhận cuối cùng là Sông Đồng Nai.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải → Bể tách cát → Bể thu gom → Bể tách dầu → Bể điều hòa → Bể Anoxic → Bể Aerotank → Bể lắng → Bể phản ứng (PAC) → Trồng lọc → Bể khử trùng (Chlorine) → Nguồn tiếp nhận.

- Công suất thiết kế: 1.334 m³/ngày.đêm.

- Hóa chất sử dụng cho hệ thống xử lý nước thải: Chlorine (04 kg/ngày).

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

- Vị trí giám sát: Lắp đặt hệ thống quan trắc tự động, liên tục chất lượng nước thải sau xử lý của trạm xử lý nước thải công suất 1.334 m³/ngày.đêm (giai đoạn 02: khi tổng số nhà liền kề lấp đầy trên 70%).

- Thời gian lắp đặt hệ thống quan trắc tự động, liên tục của trạm xử lý nước thải: Năm 2029.

- Tần suất giám sát: Liên tục 24/24 giờ.

- Thông số giám sát: Lưu lượng (đầu ra và đầu vào), pH, nhiệt độ, TSS, Amoni.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt, cột A với hệ số K = 1,0.

- Hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục phải có camera theo dõi, được thử nghiệm, kiểm định, hiệu chuẩn theo quy định của pháp luật và truyền dữ liệu trực tiếp về Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh theo quy định.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố: Thường xuyên kiểm tra và bảo trì những mối nối, van khóa trên hệ thống đường ống dẫn đảm bảo tất cả các tuyến ống có đủ độ bền và độ kín khít an toàn nhất, bố trí đầy đủ thiết bị thay thế, thực hiện mọi biện pháp xử lý, khắc phục nếu xảy ra sự cố trong quá trình vận hành; thực hiện đầy đủ các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố theo báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Khi dự án triển khai xây dựng hoàn thành các công trình theo giấy phép môi trường theo quy định, gồm 02 giai đoạn:

- Giai đoạn 01: Công suất dự kiến là 50% công suất thiết kế; Lưu lượng tối đa: 667 m³/ngày.đêm.

Thời gian vận hành thử nghiệm: 03 tháng.

- Giai đoạn 2: Công suất dự kiến là 100% công suất thiết kế. Lưu lượng tối đa: 1.334 m³/ngày.đêm.

Thời gian vận hành thử nghiệm: 05 tháng.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm: hệ thống xử lý nước thải công suất 1.334 m³/ngày.đêm.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: Hồ ga ngoài ranh dự án trước khi chảy vào tuyến cống thoát nước nằm ngoài ranh dự án, tọa độ vị trí xả thải: tọa độ X = 1.197.402,05; Y = 408.268,70 theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 107⁰45, múi chiều 3⁰.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: thực hiện theo nội dung được cấp phép tại phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu: Thời gian đánh giá hiệu quả trong giai đoạn vận hành ổn định các công trình nước thải phải bảo đảm quan trắc ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp theo quy định tại Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

- Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của hạng mục công trình thuộc dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường;

- Công khai, minh bạch các đường ống thu gom, thoát nước thải; điểm xả nước thải sau xử lý phải có biển báo, có sàn công tác và có lối đi để thuận lợi cho việc kiểm tra, kiểm soát nguồn thải; kiểm soát và theo dõi chặt chẽ lưu lượng nước thải sau xử lý và lượng nước sạch sử dụng; lưu giữ số liệu tại dự án và đưa vào nội dung báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm.

- Vận hành mạng lưới thu gom, thoát nước mưa đảm bảo các yêu cầu về tiêu thoát nước và các điều kiện vệ sinh môi trường. Theo dõi, vận hành công trình theo đúng quy trình kỹ thuật công nghệ; đảm bảo đáp ứng yêu cầu kỹ thuật trong xử lý nước thải. Nghiêm cấm việc xả nước thải hoặc các chất thải khác vào hệ thống thoát nước mưa.

- Thực hiện các công trình ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản dưới luật, vận hành theo đúng quy trình kỹ thuật công nghệ; thường xuyên theo dõi hoạt động và thực hiện bảo dưỡng định kỳ hệ thống xử lý nước thải, tuân thủ các yêu cầu thiết kế của hệ thống xử lý nước thải, đảm bảo các bể chức năng trong quy trình xử lý đủ khả năng lưu chứa, đảm bảo không xả nước thải chưa xử lý đạt quy chuẩn ra môi trường.

- Đảm bảo đáp ứng các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 và các quy định pháp luật khác có liên quan. Thường xuyên kiểm tra, kiểm soát các bể chứa nước thải đầu vào, đầu ra sau xử lý, các bể xử lý nước thải; trường hợp gặp sự cố Chủ dự án báo cáo ngay cho cơ quan có chức năng kịp thời xử lý và thực hiện các biện pháp khắc phục tránh nước thải thấm trực tiếp vào môi trường đất, nước dưới đất.

- Lập sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo giấy phép này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

- Theo dõi, kiểm soát hóa chất, vật liệu sử dụng trong vận hành hệ thống xử lý nước thải đảm bảo đáp ứng yêu cầu kỹ thuật trong xử lý nước thải của dự án. Chủ dự án chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc thực hiện xử lý nước thải và xả nước thải sau khi xử lý ra nguồn tiếp nhận.



Phụ lục 2

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 33/GPMT-UBND ngày 24 tháng 4 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI

1. Nguồn phát sinh khí thải: Mùi hôi từ hệ thống xử lý nước thải.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:

2.1. Vị trí xả khí thải:

- Tại ống thoát khí sau hệ thống xử lý mùi của hệ thống xử lý nước thải.
- Tọa độ vị trí xả khí thải: $X = 1.197.365,31$; $Y = 408.363,74$ theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $107^{\circ}45'$, múi chiều 3^0 .

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: $2.500 \text{ m}^3/\text{giờ}$.

2.2.1. Phương thức xả khí thải: Cường bức.

2.2.2. Chế độ xả khí thải: Liên tục (24 giờ).

2.2.3. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ QCVN 19: 2009/BTNMT, cột B, $K_v = 0,6$, $K_p = 1,0$ và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ QCVN 20:2009/BTNMT, cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Lưu lượng	m^3/h	-	Không	Không
2	H_2S	mg/Nm^3	7,5		
3	Mertyl Mercaptan	mg/Nm^3	15		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI BỤI, KHÍ THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải và hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục (nếu có):

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải: Khí thải (mùi hôi) được thu gom từ các bể chứa bằng đường ống inox, đi qua hệ thống tháp hấp phụ bằng Odorcarb Ultra và Odormix SP, sau đó phát thải ra môi trường xung quanh qua ống thoát khí bằng inox cao 03 m.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Khí (mùi) từ các bể xử lý nước thải $\rightarrow$ chụp hút, đường ống dẫn khí $\rightarrow$ tháp xử lý mùi (chất hấp thụ Odorcarb Ultra và Odormix SP) $\rightarrow$ quạt hút $\rightarrow$ ống thoát khí.

- Công suất thiết kế: $2.500 \text{ m}^3/\text{giờ}$.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Vật liệu hấp thụ mùi (Odorcard Ultra và Odormix SP): 225 kg/năm.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục: Không có.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố: Thường xuyên theo dõi hoạt động và thực hiện bảo dưỡng định kỳ các hệ thống thu gom và xử lý khí thải. Bố trí nhân viên quản lý, vận hành các hệ thống xử lý khí thải, giám sát vận hành hàng ngày, tuân thủ nghiêm ngặt chương trình vận hành và bảo dưỡng được thiết lập cho các hệ thống thu gom khí thải. Trường hợp khí thải vượt quy chuẩn đầu ra cho phép, tạm dừng hoạt động để kiểm tra, khắc phục sự cố, để đảm bảo toàn bộ khí thải được xử lý đạt quy chuẩn trước khi phát tán ra môi trường.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: 05 tháng.

2.2. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm: Hệ thống xử lý khí thải (mùi) công suất 2.500 m³/giờ từ hệ thống xử lý nước thải.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: Ống thoát khí thải sau hệ thống xử lý khí thải (mùi) công suất 2.500 m³/giờ từ hệ thống xử lý nước thải.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: Chủ dự án phải giám sát các chất ô nhiễm và đánh giá hiệu quả xử lý của hệ thống xử lý mùi hôi theo mục 2.2 Phần A nội dung này.

2.3. Tần suất lấy mẫu: Thời gian đánh giá hiệu quả trong giai đoạn vận hành ổn định công trình khí thải phải bảo đảm quan trắc ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh đảm bảo đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường, không để phát tán khí thải (mùi hôi) khó chịu, gây ảnh hưởng đến khu vực xung quanh.

3.2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác:

- Thực hiện các công trình ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản dưới luật, vận hành theo đúng quy trình kỹ thuật công nghệ; thường xuyên theo dõi, bảo trì, bảo dưỡng, kiểm tra độ an toàn, làm việc của thiết bị máy móc; Thực hiện trồng cây xanh đảm bảo theo đúng diện tích quy hoạch.

- Trồng và chăm sóc cây xanh đảm bảo tỷ lệ diện tích cây xanh nhằm tạo cảnh quan, cải thiện điều kiện vi khí hậu.

- Thường xuyên kiểm tra theo dõi tăng cường các biện pháp giảm thiểu mùi phát sinh từ khu vực xử lý nước thải, khu vực lưu giữ chất thải.

- Chủ dự án chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả bụi, khí thải (mùi) không đảm bảo các yêu cầu theo quy chuẩn kỹ thuật môi trường.



Phụ lục 3

YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 33 /GPMT-UBND ngày 24 tháng 4 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

Stt	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại	Khối lượng (Kg/năm)	Mã CTNH	Ký hiệu phân loại
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	456	16 01 06	NH
2	Pin, ắc quy thải	Rắn	250	16 01 12	KS
3	Giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	350	18 02 02	KS
4	Bao bì cứng dính các thành phần nguy hại thải (thuốc bảo vệ thực vật, bình xịt phòng, thuốc diệt côn trùng, hộp sơn, hộp đựng hóa mỹ phẩm).	Rắn	550	18 01 04	KS
5	Bao bì mềm thải (Bao bì phân bón, thuốc bảo vệ thực vật)	Rắn	160	18 01 01	KS
6	Các thiết bị vỡ, hỏng, đã qua sử dụng có chứa thủy ngân (như nhiệt kế)	Rắn	18	13 03 02	NH
7	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	Lỏng	350	17 02 04	NH
8	Các thiết bị, bộ phận, linh kiện điện tử có thành phần nguy hại thải	Rắn	150	16 01 13	NH
Tổng cộng			2.284	-	-

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

STT	Chất thải rắn thông thường	Khối lượng (kg/năm)	Mã chất thải	Ký hiệu phân loại
1	Dầu mỡ thải (dầu ăn, mỡ động vật) từ quá trình phân tách nước	9.738	12 06 11	TT
2	Bùn khô từ hệ thống xử lý nước thải không chứa thành phần nguy hại	14.195	12 06 10	TT
3	Bùn từ bể tự hoại	349.160	12 06 13	TT
Tổng cộng		373.093		

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

Stt	Chất thải rắn sinh hoạt	Khối lượng (kg/năm)
1	Chất thải rắn sinh hoạt	2.275.775
	Tổng cộng	2.275.775

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: Trang bị các thùng chứa chất thải chuyên dụng.

2.1.2. Kho/Khu vực lưu chứa:

- Diện tích khu vực lưu chứa trong nhà: 10 m².

- Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu chứa trong nhà: Mái che bằng tôn, tường bao xung quanh, nền bê tông.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

2.2.1 Thiết bị lưu chứa: Trang bị các thùng chứa chất thải chuyên dụng có nắp đậy.

2.2.2. Kho/khu vực lưu chứa: Không có.

- Bùn thải từ bể tự hoại: Từng hộ dân tự thuê đơn vị xe chuyên dụng (xe hút hầm cầu) đến thu gom và đưa đi xử lý.

- Dầu mỡ thải từ hệ thống xử lý nước thải: Tại bể tách dầu, phần dầu mỡ nhẹ hơn nước sẽ nổi lên bề mặt nước và được công nhân vận hành hệ thống vớt thủ công và cho vào thiết bị lưu chứa bằng nhựa, có nắp đậy, dung tích 120L. Định kỳ 02 lần/tuần sẽ giao cho đơn vị có chức năng thu gom, xử lý.

- Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải: Được thu gom, chuyển giao theo chất thải thông thường.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

2.3.1 Thiết bị lưu chứa: Trang bị các thùng nhựa có nắp đậy đảm bảo đủ lưu chứa toàn bộ lượng chất thải rắn sinh hoạt được đặt dọc các trục đường trong phạm vi dự án, giao cho đơn vị có chức năng thu gom với tần suất 01 lần/ngày và thực hiện phân loại triệt để chất thải rắn sinh hoạt ngay tại nguồn.

2.3.2. Kho/Khu vực lưu chứa: Không có.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

- Thiết kế, bố trí đúng quy cách khu lưu giữ chất thải và thu gom, lưu giữ, vận chuyển, xử lý toàn bộ các loại chất thải rắn sinh hoạt và chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình xây dựng, lắp đặt máy móc, thiết bị và vận hành dự án đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường. Có biện

pháp kiểm soát, thu gom chất thải lỏng rò rỉ tại khu vực lưu giữ chất thải, kiểm soát và tăng cường các biện pháp hạn chế mùi hôi phát sinh từ khu vực lưu giữ.

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường theo quy định; Lắp đặt hệ thống báo cháy, ngăn cháy, phương tiện phòng cháy và chữa cháy phù hợp với tính chất, đặc điểm của Dự án, đảm bảo chất lượng và hoạt động theo phương án được cấp có thẩm quyền phê duyệt và các tiêu chuẩn về an toàn, phòng cháy và chữa cháy.

Thực hiện tuyên truyền, phổ biến chương trình phân loại chất thải rắn tại nguồn theo yêu cầu và quy định của địa phương. Hướng dẫn người dân thực hiện phân loại triệt để toàn bộ chất thải rắn và chất thải nguy hại theo quy định.



Phụ lục 4

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 33 /GPMT-UBND ngày 24 tháng 4 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Dự án không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Dự án không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ CƠ SỞ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG: Dự án không thuộc đối tượng phải thực hiện báo cáo đánh giá tác động môi trường.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình đối với các công trình bảo vệ môi trường nêu trong Giấy phép này, đảm bảo các loại chất thải phát sinh phải được xử lý theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Chủ dự án chịu trách nhiệm trước pháp luật về hồ sơ hoàn công công trình xử lý chất thải; công trình xây dựng của dự án.

2. Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường; công khai giấy phép môi trường; cung cấp các thông tin có liên quan theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường trong quá trình kiểm tra, thanh tra.

3. Phải thực hiện đầu tư hệ thống thu gom, xử lý nước thải riêng biệt với hệ thống thoát nước mưa theo quy định tại Điều 86 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020; công khai, minh bạch vị trí đầu nổi nước mưa, nước thải của dự án. Có biện pháp kiểm soát chất lượng nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án phải đảm bảo đạt giới hạn QCVN 14:2008/BTNMT, cột A, K = 1,0; tuyệt đối không xả nước thải không đạt quy chuẩn ra môi trường tiếp nhận; minh bạch các đường ống thu gom, thoát nước thải trong khuôn viên dự án và đầu nổi vào nguồn tiếp nhận; lưu giữ số liệu tại cơ sở và đưa vào nội dung báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm.

4. Thực hiện, giám sát, quản lý chặt chẽ, đảm bảo toàn bộ chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại phát sinh từ các hoạt động của Dự án đều được thu gom, xử lý, đáp ứng các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17 tháng 11 năm 2020, các văn bản pháp luật có liên quan và các quy định trên địa bàn tỉnh;

5. Việc sử dụng đất làm vật liệu san lấp từ đào sang đắp, thi công san lấp mặt bằng trong phạm vi dự án và vận chuyển đất dôi dư ra khỏi dự án, đề nghị chủ dự án liên hệ Sở Tài nguyên và Môi trường để thực hiện các thủ tục theo quy định của Luật Khoáng sản năm 2010; trường hợp vận chuyển đất dôi dư ra

khỏi dự án, Chủ dự án chỉ được phép đổ thải các loại đất dôi dư phát sinh trong quá trình thực hiện Dự án vào đúng các vị trí đã được chính quyền địa phương chấp thuận; thực hiện các biện pháp quản lý, kỹ thuật bảo đảm các yêu cầu về an toàn vệ sinh môi trường trong quá trình thu gom, vận chuyển, đổ thải và các yêu cầu khác của địa phương theo quy định.

6. Chủ động đề xuất điều chỉnh các công trình bảo vệ môi trường trong trường hợp các công trình này không đảm bảo công tác bảo vệ môi trường trong quá trình hoạt động của dự án theo quy định.

7. Trồng và chăm sóc cây xanh đảm bảo tỷ lệ diện tích cây xanh nhằm tạo cảnh quan, cải thiện điều kiện vi khí hậu.

8. Có kế hoạch tổ chức thực hiện về nhân lực, kinh phí, trang thiết bị, phương án đảm bảo phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường khi có sự cố xảy ra trong quá trình hoạt động của dự án; đáp ứng các yêu cầu về vệ sinh môi trường; có bộ phận chuyên môn đủ năng lực để thực hiện nhiệm vụ bảo vệ môi trường; thực hiện quy định pháp luật về an toàn phòng cháy chữa cháy, an toàn lao động và các quy định pháp luật có liên quan khác trong quá trình hoạt động của dự án.

9. Thiết lập mô hình quản lý và đảm bảo nguồn lực tài chính để các công trình bảo vệ môi trường của Dự án được duy trì, vận hành hiệu quả và thực hiện chế độ báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm theo quy định.

10. Thực hiện các công trình/biện pháp ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản dưới luật. Trong quá trình hoạt động nếu Dự án đầu tư có xảy ra sự cố môi trường, phải chủ động thực hiện mọi biện pháp xử lý, khắc phục và báo cáo kịp thời đến các cơ quan có liên quan. Chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu để xảy ra sự cố, rủi ro trong quá trình thực hiện.

11. Đền bù, khắc phục sự cố môi trường nếu để xảy ra sự cố môi trường trong quá trình thực hiện Dự án theo quy định của pháp luật hiện hành.

12. Dự án chỉ được triển khai sau khi hoàn thành các thủ tục về đất đai, xây dựng và các quy định khác có liên quan.

13. Trường hợp các quy chuẩn, tiêu chuẩn và quy định liên quan có sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo quy chuẩn, quy định mới./.